



QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG LIGHTHOUSE

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

E-mail: infor@aascs.com.vn

Mục lục	Trang
Thông tin chung	2 - 3
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	4
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	5 - 11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán	13
Báo cáo thu nhập	14 - 15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20 - 21
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	22 - 41



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse (Quỹ) là quỹ mở, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 20/GCN-UBCK ngày 07/03/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 54/GCN-UBCK ngày 30/05/2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tên quỹ : **QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG LIGHTHOUSE**

Tên tiếng Anh : Lighthouse Capital Dynamic Fund

Tên viết tắt : LHCDF

Công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Vốn điều lệ của quỹ : 51.184.042.953 VND

Mệnh giá chứng chỉ quỹ : 10.000 VND

Số lượng chứng chỉ quỹ : 5.118.404,29 chứng chỉ quỹ

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.118.404,29 chứng chỉ với tổng trị giá là 51.184.042.900 VND chiếm 102,37% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ với mệnh giá là 10.000 VND/ đơn vị quỹ. Tại ngày 31/12/2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 54.570.523.953 VND, tương đương với 5.457.052,39 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là hướng đến việc tối đa hoá lợi nhuận dài hạn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hoá vào cổ phiếu và các tài sản tài chính khác theo quy định. Tài sản của quỹ sẽ được phân bổ năng động, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường và cơ hội đầu tư tại các thời điểm khác nhau trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, nhằm tối đa hoá lợi ích và hạn chế rủi ro cho Nhà đầu tư.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse,
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (Công ty Quản lý Quỹ).

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ, Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Các nhà cung cấp dịch vụ được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư như sau:

- Ngân hàng Giám sát : Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN. Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Quản trị Quỹ đầu tư : Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN. Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Đại lý chuyển nhượng : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)
- Đại lý phân phối :
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Lighthouse
 - Công ty Cổ phần Fincorp
 - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh
 - Công ty Cổ phần Investingpro
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 14/09/2023 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse là đại diện cho Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và thận trọng. Công ty quản lý quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích hợp pháp của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

- Ông Phan Tấn Thư

Thành viên độc lập về Quản lý tài sản

- Ông Vũ Tiến Sỹ

Thành viên độc lập về Kế toán/ Kiểm toán

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang

Thành viên về Pháp chế

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Nguyễn Lê Đình Quang

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chỉ định làm công tác kiểm toán của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse.

BÁO CÁO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse (Quỹ) trình bày báo cáo Ban đại diện Quỹ và Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 30 tháng 05 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (Công ty Quản lý Quỹ), với tư cách là Công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Quỹ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tại ngày kết thúc niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Đồng thời cũng chịu trách nhiệm trong việc quản lý các tài sản của Quỹ, do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại ngày kết thúc niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Theo đó, Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính năm đính kèm, trên cơ sở cam kết của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 30 tháng 05 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Tp.Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

TM. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse (Quỹ) là quỹ mở, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 20/GCN-UBCK ngày 07/03/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 54/GCN-UBCK ngày 30/05/2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là hướng đến việc tối đa hoá lợi nhuận dài hạn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hoá vào cổ phiếu và các tài sản tài chính khác theo quy định. Tài sản của quỹ sẽ được phân bổ năng động, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường và cơ hội đầu tư tại các thời điểm khác nhau trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, nhằm tối đa hoá lợi ích và hạn chế rủi ro cho Nhà đầu tư.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán, thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ là 10,41% so với ngày 30 tháng 05 năm 2024 (ngày thành lập).

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ dựa trên sự kết hợp giữa việc lựa chọn cơ hội đầu tư và tính thời điểm trong việc phân bổ tỷ trọng đầu tư. Quỹ LHCDF đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp với mô hình kinh doanh tốt, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định hoặc có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn và mức định giá hấp dẫn. Quỹ cũng có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập ổn định, bao gồm nhưng không giới hạn ở Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các công cụ thị trường tiền tệ.

Quỹ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản chủ động và linh hoạt nhằm tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

Các tài sản được phép đầu tư

Quỹ sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu của Chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng; trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bỏ tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 (một) lần trong 12 (mười hai) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% (ba mươi phần trăm) giá trị đợt phát hành;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư 98/2020/TT-BTC (TT98) ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ

: Trung hạn - dài hạn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn : Trung bình đến cao

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 54/GCN-UBCK ngày 30 tháng 05 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị hạn chế thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng	:	60.252.136.893	VND
Số lượng Chứng chỉ quỹ	:	5.457.052,39	chứng chỉ quỹ
Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ	:	5.446.758.904	VND

9. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc chi trả lợi tức Quỹ phải tuân thủ quy định về chế độ kế toán đối với quỹ mở và bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện lũy kế đến năm trước sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

10. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản Quỹ	Tại ngày 31/12/2024 (%)
Danh mục trái phiếu	3,95%
Danh mục cổ phiếu niêm yết	86,73%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6,88%
Tài sản khác	2,43%
Tổng cộng	100,00%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Stt	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	60.252.136.893
2	Tổng số Chứng chỉ quỹ (CCQ) đang lưu hành	5.457.052,39
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	11.041,15
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên một đơn vị quỹ kỳ báo cáo (VND)	11.112,54
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên một đơn vị quỹ kỳ báo cáo (VND)	9.649,54
6	Giá cuối ngày trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng %/ 1 đơn vị quỹ	10,41%
10	Phân phối gộp trên một đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên một đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (b)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	3,37%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	194,99%

Ghi chú:

- (a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng NAV /CCQ (%)	Tăng trưởng NAV /CCQ hàng năm (%)
- Từ khi thành lập (30/5/2024 - 31/12/2024)	10,41%	Không áp dụng

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Năm 2024, kinh tế Thế giới chứng kiến đà phục hồi nhưng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn khi lạm phát vẫn ở mức cao, nợ công gia tăng ở nhiều quốc gia và xung đột địa chính trị leo thang. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam đã vượt qua những thách thức trong năm 2024 và ghi nhận những thành tựu ấn tượng khi duy trì ổn định tình hình vĩ mô, lạm phát trong tầm kiểm soát, hầu hết các chỉ số vĩ mô đều ghi nhận sự tăng trưởng và các cân đối lớn được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

Kinh tế Việt Nam năm 2024 ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng, tiêu biểu với mức tăng trưởng mạnh mẽ 7,09% - vượt mọi dự báo. Lạm phát vẫn được kiểm soát với CPI bình quân ở mức 3,63% nhờ các biện pháp điều hành linh hoạt và hiệu quả. Hoạt động thương mại tạo được dấu ấn vượt trội với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 786,3 tỷ USD (+15,4% yoy) - đưa Việt Nam vươn lên vị trí 17 trong 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất toàn cầu, cùng với mức xuất siêu 24,8 tỷ USD - đánh dấu năm thứ 9 liên tiếp duy trì thặng dư thương mại. Bên cạnh đó, vốn FDI thực hiện đạt 25,35 tỷ USD (+9,4% yoy) - cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế.

Trong năm 2024, tỷ giá VND/USD trải qua những biến động nhất định. Kết thúc cả năm, VND mất giá khoảng 4,6% so với USD, tuy nhiên mức giảm này vẫn thấp hơn nhiều đồng tiền khác trong khu vực.

Những thành tựu có được là kết quả của nỗ lực của Chính phủ trong việc thực thi hàng loạt chính sách điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn và kiên định mục tiêu tăng trưởng kinh tế như: giảm nhiều loại thuế trong sản xuất và tiêu dùng, tăng lương cơ sở, tăng cường giải ngân đầu tư công... Đặc biệt, năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt và chủ động, phối hợp đồng bộ, hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp, góp phần ổn định thị trường tiền tệ và hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế.

2. Thị trường cổ phiếu

Thị trường Chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tương đối tích cực khi chỉ số VN-Index tăng 12,1% - vượt xa nhiều thị trường trong khu vực như: Indonesia - IDX Composite (+7,5%), Philippines - PSEi (+5,9%), Malaysia - FBM KLCI (+4,3%), Singapore - STI (+2,7%), Thái Lan - SET Index (-3,8%)... Sự khởi sắc của thị trường cổ phiếu được hỗ trợ tích cực từ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và sự cải thiện về thanh khoản, tuy nhiên việc Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng hơn 90 ngàn tỷ đồng trong năm 2024 là hệ quả của chính sách tiền tệ toàn cầu thắt chặt. P/E thị trường khoảng 12x - thấp hơn trung bình 05 năm nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro dẫn tới chưa có sự bứt phá mạnh mẽ.

Trong năm 2024, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường chứng khoán như: Sửa đổi Luật Chứng khoán theo hướng phát triển bền vững và minh bạch, ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC với điểm nổi bật là loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Đây là những cải cách quan trọng giúp tháo gỡ các nút thắt và tăng cường tính minh bạch, hướng tới việc nâng hạng thị trường trong tương lai.

3. Thị trường trái phiếu

Quy mô thị trường trái phiếu của Việt Nam được đánh giá vẫn đang ở mức khiêm tốn so với quốc gia khác trong khu vực và hứa hẹn còn nhiều dư địa phát triển trong tương lai.

Giai đoạn 2018 - 2021, chứng kiến sự bùng nổ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp với tốc độ tăng trưởng kép bình quân 69%, đỉnh điểm năm 2021 với tổng giá trị phát hành trong nước đạt gần 743 nghìn tỷ đồng, gấp 4,8 lần so với năm 2018. Trái phiếu doanh nghiệp trở thành kênh dẫn vốn ngày một quan trọng khi tỷ trọng dư nợ tính trên GDP tăng dần qua các năm đạt khoảng 15% GDP và tương đương 12% dư nợ của cả nền kinh tế. Về phương thức phát hành, phần lớn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ chiếm khoảng 95% tổng giá trị phát hành.

Trải qua giai đoạn 2022 - 2023 trầm lắng do những sai phạm của một số tổ chức phát hành và các quy định siết chặt của cơ quan quản lý, thị trường trái phiếu Việt Nam đã dần lấy lại niềm tin và phát triển theo hướng bền vững hơn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

Năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam dần phục hồi và duy trì ổn định. Hoạt động phát hành TPDN trong năm 2024 có sự cải thiện rõ rệt với tổng giá trị phát hành cả năm đạt 443.458 tỷ đồng (+32% YoY), trong đó có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410.544 tỷ đồng (chiếm 93% tổng giá trị) và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32.914 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 7%). Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp cuối năm 2024 đạt 1,21 triệu tỷ đồng (+0,6% yoy), tương đương 8,1% tổng dư nợ tín dụng của cả nền kinh tế. Quy mô thị trường so với GDP duy trì xu hướng giảm liên tục kể từ mức đỉnh 17,1% năm 2020, xuống còn 10,8% vào cuối năm 2024.

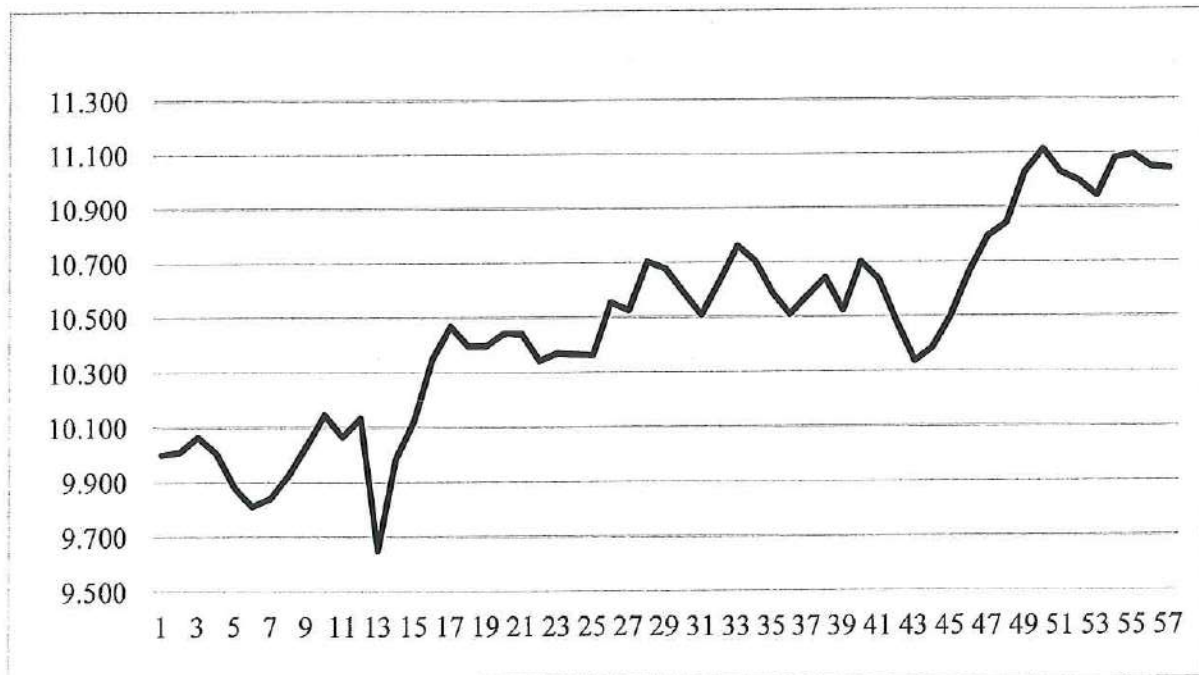
Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, chính sách điều hành linh hoạt cùng khung pháp lý ngày càng hoàn thiện tạo nhiều dư địa cho sự phát triển của thị trường trái phiếu trong tương lai.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của quỹ

		Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)	
Chỉ tiêu			
Tổng tăng trưởng %/1 đơn vị quỹ		10,41%	
Thay đổi giá trị tài sản ròng			
Chỉ tiêu	Tỷ lệ thay đổi	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/5/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	17,72%	60.252.136.893	51.184.694.478
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10,41%	11.041,15	10.000,12

Biểu đồ thay đổi NAV trên một đơn vị quỹ trong năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ ("CCQ") tại ngày báo cáo:

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ
2.1 Tổ chức			
- Trên 500.000	40,30%	1	2.199.413,90
2.2 Cá nhân			
- Dưới 5.000	4,03%	440	220.123,51
- Từ 5.000 đến 50.000	7,15%	27	390.059,97
- Trên 50.000	48,51%	5	2.647.455,01
Tổng cộng	100,00%	473	5.457.052,39

3. Chi phí ngầm và giảm giá

: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được kỳ vọng sẽ có nhiều thông tin hỗ trợ tích cực như: (1) việc FED tiếp tục xu hướng hạ lãi suất sau khi đã kiểm soát được lạm phát ở mức mục tiêu 2-3%; (2) các chính sách ngoại giao và thương mại của Mỹ dưới thời Tổng thống Trump góp vào thúc đẩy sự dịch chuyển nguồn vốn ngoại ra ngoài Trung Quốc góp phần thúc đẩy vốn FDI vào Việt Nam (3) Chính phủ tập trung cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế thông qua động lực chính là đầu tư công với nhiều dự án trọng điểm như cao tốc Bắc Nam, Metro TPHCM, Sân Bay Long Thành, v.v... Qua đó, chỉ số VNINDEX được kỳ vọng có thể đạt được ở mức 1.350-1.450 trong cuối năm 2025, định giá hiện tại ở vùng hấp dẫn khi P/E khoảng 13 lần – thấp hơn khoảng 11% so với mức P/E trung bình giai đoạn 2020-2024 là 14,5x thể hiện tiềm năng tăng giá của thị trường còn nhiều dư địa.

Thị trường cổ phiếu là kênh dẫn vốn quan trọng của nền kinh tế và được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong tương lai nhờ vào các động lực: (i) Kinh tế từng bước phục hồi với triển vọng tích cực từ đầu tư công, sự phục hồi của sản xuất trong nước, thương mại và thu hút vốn FDI từ sự dịch chuyển công nghiệp từ Trung Quốc sang Việt Nam; (ii) Các chính sách hỗ trợ nền kinh tế được Chính phủ ban hành được kích hoạt và triển khai quyết liệt như: giảm thuế; tăng lương cơ sở; đẩy mạnh đầu tư công các gói hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp và người dân,...; (iii) Việt Nam ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của dòng vốn toàn cầu cùng khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ được nâng hạng bởi tổ chức FTSE và MSCI từ thị trường mới nổi sang thị trường cận biên; (iv) Lãi suất duy trì ở mức thấp khiến cổ phiếu trở thành kênh đầu tư hấp dẫn. Ngoài ra, lãi suất thấp là cơ sở để hạ lãi suất cho vay, từ đó hỗ trợ giúp các doanh nghiệp trên sàn giảm áp lực lãi vay và (v) Hệ thống công nghệ thông tin mới KRX đi vào vận hành được kỳ vọng sẽ giúp Nhà đầu tư thuận lợi hơn trong giao dịch, từ đó giúp nâng cao tính ổn định và minh bạch cho thị trường và hướng tới việc nâng hạng thị trường trong tương lai.

Với mức tăng trưởng kinh tế bền vững, nền tảng chính trị ổn định, khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường chứng khoán ngày càng hoàn thiện, thị trường cổ phiếu Việt Nam hứa hẹn sẽ đem đến cơ hội tốt trong dài hạn cho Nhà Đầu Tư trong và ngoài nước.

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
Quỹ Đầu tư năng động Lighthouse
Năm 2024



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư năng động Lighthouse (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 30 tháng 05 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với nội dung dưới đây:

- a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư năng động Lighthouse đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 30 tháng 05 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đầu tư năng động Lighthouse không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Ông Trần Ngọc Tiến
Phó phòng Định chế tài chính và
Lưu ký chứng khoán



Số : 355 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse (viết tắt "Quỹ"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, và được trình bày từ trang 14 đến 41 trang, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 30 tháng 05 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN VŨ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2023-142-1

Kiểm toán viên



NGUYỄN TUẤN ĐẠT

Giấy CN ĐKHN KTV số: 2669-2023-142-1

BÁO CÁO THU NHẬP

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	1		6.537.394.853	-
1.1. Cổ tức, trái tức được chia	2	B.2.1	329.033.980	-
1.2. Tiền lãi được nhận	3	B.2.2	21.840.156	-
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	4	B.1.1	2.858.459.873	-
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	B.1.2	3.328.060.844	-
1.5. Doanh thu khác	6		-	-
1.6. Chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	7		-	-
1.7. Doanh thu khác về đầu tư	8		-	-
1.8. Dự phòng nợ phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi và xử lý tổn thất nợ phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi	9		-	-
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10	B.3	114.670.291	-
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11		114.670.291	-
2.2. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi	12		-	-
2.3. Chi phí lãi vay	13		-	-
2.4. Chi phí dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp và xử lý tổn thất các khoản đầu tư cho vay có tài sản nhận thế	14		-	-
2.5. Chi phí đầu tư khác	15		-	-
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20	B.4	975.965.658	-
3.1. Phí quản lý Quỹ mở	20.1		479.555.256	-
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2		145.832.768	-
3.3. Phí dịch vụ giám sát	20.3		38.854.839	-
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4		116.564.516	-
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		70.766.666	-
3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ mở	20.6		-	-
3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	20.7		-	-
3.8. Chi phí kiểm toán	20.8		27.000.000	-
3.9. Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở	20.9		-	-
3.10. Chi phí hoạt động khác	20.10		97.391.613	-
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23=01-10-20)	23		5.446.758.904	-

BÁO CÁO THU NHẬP

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	24		-	-
5.1. Thu nhập khác	24.1		-	-
5.2. Chi phí khác	24.2		-	-
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30=23 + 24)	30		5.446.758.904	-
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	31		2.118.698.060	-
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	32		3.328.060.844	-
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	40		-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (41 = 30 - 40)	41		5.446.758.904	-

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tp. Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



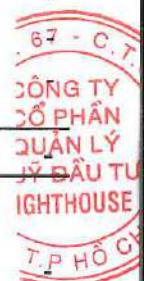
Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
I. TÀI SẢN	100			
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	A.1	4.167.771.968	-
Trong đó:				
1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		4.167.771.968	-
1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		-	-
2. Các khoản đầu tư thuần	120		54.898.808.100	-
2.1. Các khoản đầu tư	121	A.2	54.898.808.100	-
2.2. Dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp	122		-	-
3. Các khoản phải thu	130	A.3	1.470.632.877	-
3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	131		1.376.500.000	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về bán các khoản đầu tư	132		-	-
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		94.132.877	-
3.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	134		-	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	135		-	-
3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		94.132.877	-
3.3. Các khoản phải thu khác	137		-	-
3.4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi (*)	138		-	-
TỔNG TÀI SẢN	100		60.537.212.945	
II. NỢ PHẢI TRẢ	300			
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	A.4	-	-
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313	A.5	76.792.928	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	A.6	2.186.426	-
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	A.7	64.328.113	-
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317	A.8	17.100.000	-
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		1.109.987	-
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	319	A.9	123.558.598	-
10. Phải trả, phải nộp khác	320		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300		285.076.052	-



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (I-II)	400	A.10	60.252.136.893	-
1. Vốn góp của Nhà đầu tư	411		54.570.523.953	-
1.1 Vốn góp phát hành	412		77.984.835.253	-
1.2 Vốn góp mua lại	413		(23.414.311.300)	-
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414		234.854.036	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.446.758.904	-
IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)	430	A.10	11.041,15	
V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	440		-	
1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	441		-	-
2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		-	-
VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản nhận thế chấp	001		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	002		-	-
3. Ngoại tệ các loại	003		-	-
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	D.4	5.457.052,39	-

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tp.Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	-	-
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2)	5.446.758.904	-
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	5.446.758.904	-
II.2	Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 – III.2)	54.805.377.989	-
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	80.581.832.745	-
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	25.776.454.756	-
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)	60.252.136.893	-
V	NAV trên một đơn vị chứng chỉ quỹ cuối năm	11.041,15	-

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tp.Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2024 (%)
I.	Cổ phiếu niêm yết	1.763.583		52.504.704.100	86,73%
1	NAB	555.050	15.950	8.853.047.500	14,62%
2	DBD	125.900	57.600	7.251.840.000	11,98%
3	KBC	140.000	27.200	3.808.000.000	6,29%
4	RYG	205.000	14.850	3.044.250.000	5,03%
5	KDH	75.000	36.100	2.707.500.000	4,47%
6	CTD	38.000	68.700	2.610.600.000	4,31%
7	HPG	95.000	26.650	2.531.750.000	4,18%
8	MWG	40.000	61.000	2.440.000.000	4,05%
9	Khác	489.633		19.257.716.600	31,81%
II.	Trái phiếu niêm yết	20.200		2.394.104.000	3,95%
1	CI424002	20.200	118.520	2.394.104.000	3,95%
III.	Các tài sản khác			1.470.632.877	2,43%
1	Lãi cổ phiếu được nhận			56.500.000	0,09%
2	Lãi trái phiếu được nhận			37.632.877	0,06%
3	Lãi tiền gửi được nhận			-	0,00%
4	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi ghi danh			-	0,00%
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu			1.376.500.000	2,27%
6	Phải thu khác			-	0,00%
IV.	Tiền			4.167.771.968	6,88%
1	Tiền, tương đương tiền			4.167.771.968	6,88%
1.1	Tiền gửi thanh toán			4.167.771.968	6,88%
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			-	0,00%
V.	Tổng giá trị danh mục			60.537.212.945	100,00%

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tp. Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		5.446.758.904	-
2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		(3.328.060.844)	-
Trong đó:			-	-
Lãi, lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		(3.328.060.844)	-
Chi phí trích trước.	04		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		(52.756.304.081)	-
Tăng, giảm các khoản đầu tư	20		(51.570.747.256)	-
Tăng, giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư	06		(1.376.500.000)	-
Tăng, giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	07		(94.132.877)	-
Tăng, giảm các khoản phải thu khác	08		-	-
Tăng, giảm vay ngắn hạn	09		-	-
Tăng, giảm phải trả cho người bán	10		-	-
Tăng, giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		76.792.928	-
Tăng, giảm phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	12		-	-
Tăng, giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		2.186.426	-
Tăng, giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ	14		17.100.000	-
Tăng, giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng	15		1.109.987	-
Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	16		64.328.113	-
Tăng, giảm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17		123.558.598	-
Tăng, giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (1+2+3)	19		(50.637.606.021)	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31		78.219.689.289	-
2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32		(23.414.311.300)	-
3. Tiền vay gốc	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	35		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (1-2+3-4-5)	30		54.805.377.989	-
III. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (I+II)	40		4.167.771.968	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50		-	-
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	51		-	-
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	52		-	-
Trong đó				
Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ			-	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	53		-	-
- Tiền gửi phong tỏa	54		-	-
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55		4.167.771.968	-
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	56		4.167.771.968	-
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	57		4.167.771.968	-
Trong đó				
Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ			3.900.440.967	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	58		267.331.001	-
- Tiền gửi phong tỏa	59		-	-
VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	60		4.167.771.968	-

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tp. Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

- 1.1. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán : 20/GCN-UBCK của UBCK Nhà nước, cấp ngày 07/03/2024.
- 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mở : 54/GCN-UBCK của UBCK Nhà nước, cấp ngày 30/05/2024.
- 1.3. Địa chỉ liên hệ của Quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.
: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- 1.4. Điều lệ hoạt động Quỹ mở được thông qua theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư lần thứ nhất năm 2024 của Quỹ ngày 13/05/2024
- 1.5. Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở
- Quy mô vốn Quỹ mở : Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.118.404,29 chứng chỉ với tổng trị giá là 51.184.042.900 VND chiếm 102,37% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ với mệnh giá là 10.000 VND/ đơn vị quỹ. Tại ngày 31/12/2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 54.570.523.953 VND, tương đương với 5.457.052,39 chứng chỉ quỹ.
 - Mục tiêu đầu tư : Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là hướng đến việc tối đa hoá lợi nhuận dài hạn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hoá vào cổ phiếu và các tài sản tài chính khác theo quy định. Tài sản của quỹ sẽ được phân bổ năng động, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường và cơ hội đầu tư tại các thời điểm khác nhau trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, nhằm tối đa hoá lợi ích và hạn chế rủi ro cho Nhà đầu tư.
 - Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV) : Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse được xác định vào các Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (là thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần). Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là Ngày Giao Dịch kế tiếp của Quỹ.
: Đối với kỳ định giá hàng tháng, thời điểm định giá của kỳ báo cáo tháng/quý/năm là ngày cuối cùng của tháng/quý/năm. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse được xác định vào ngày cuối cùng của tháng.
 - Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ mở : Chứng Chỉ Quỹ LHCFD được giao dịch định kỳ một (01) tuần hai (02) lần vào ngày thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần (Ngày Giao Dịch - Ngày T). Trong trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp của Quỹ.
 - Hạn chế đầu tư của Quỹ mở : Các hạn chế đầu tư phải tuân thủ theo các quy định về các loại tài sản được phép đầu tư và hạn chế đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Quỹ, Bản báo bạch và các quy định pháp luật liên quan.

II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

- a. Năm tài chính hàng năm của Quỹ mở bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.
- b. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/05/2024 (ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mở) và kết thúc vào ngày 31/12/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở ban hành và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng Quỹ sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản đầu tư

2.1. Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

2.2. Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận đồng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

2.3. Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

2.4. Đánh giá lại

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

2.5. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

3. Các hợp đồng bán và mua lại

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính.

Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
- Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
- Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
- Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
- Từ ba (03) năm	100%

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả:

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

5.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính bằng 1,5% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT).

Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse = 1,5% * NAV/năm

Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ được Công ty Quản lý xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá trị dịch vụ quản lý các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Trường hợp điều chỉnh giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.

Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau

$$\text{Giá dịch vụ quản lý quỹ của kỳ định giá} = \frac{1,5\% \times \text{NAV tại ngày Định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}}{\text{Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}}$$

5.2 Giá dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là mức phí do Quỹ trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị cho Quỹ, phí dịch vụ quản trị quỹ là tỷ lệ phần trăm cho 1 năm dựa vào NAV và được chi trả hàng tháng.

Dịch vụ	Giá dịch vụ
- Giám sát:	0,02% (Không phải không hai phần trăm) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ (chưa bao gồm VAT), mức phí tối thiểu là 5.000.000 VND/tháng (Năm triệu đồng một tháng).
- Lưu ký chứng khoán:	0,05% (Không phải không năm phần trăm) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ (chưa bao gồm VAT), mức phí tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng (Mười lăm triệu đồng một tháng).
- Quản trị Quỹ:	0,03% (Không phải không ba phần trăm) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ (chưa bao gồm VAT), mức phí tối thiểu tối thiểu 15.000.000 VND/tháng (Mười lăm triệu đồng một tháng).

5.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như sau:

Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm VAT)
1. Tiền cố định hàng tháng	- Mức 1: 12.000.000 đồng/ tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần - Mức 2: 10.000.000 đồng/ tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần (Trường hợp Quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)
2. Tiền thiết lập, duy trì thông tin; Tiền cung cấp thông tin	- Miễn phí
3. Tiền thực hiện quyền: lập danh sách thực hiện quyền	- 1.000.000 đồng/lần lập danh sách

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận nguồn vốn Quỹ mở:

Vốn chủ sở hữu: Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

6.1. Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

6.2. Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

6.3. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

6.4. Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối Quỹ mở:

Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

6.5. Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư:

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản thu nhập

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý hoạt động Quỹ mở:

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư trong nước, tổ chức đầu tư trong nước chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh từ khoản cổ tức đó. Khi Quỹ trả cổ tức cho tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần khấu trừ thuế TNDN cổ tức được phân phối (ngoại trừ cổ tức được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài. Áp dụng mức thuế là 0,1% chuyển nhượng giá trị. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các chứng chỉ giao dịch mua lại từ nhà tư vấn là tổ chức ở nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm kê khai và tính thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015.

10. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở:

Giá trị Tài sản Ròng (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

$$\text{NAV} = \text{Tổng giá trị tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường).
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ/Danh mục tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong Quỹ, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Sổ tay định giá;
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.

$$V = \text{NAV} / N$$

Trong đó:

V: Giá trị đơn vị Quỹ

N: Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành

11. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

a. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hoá và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

a.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài khoản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

a.2 Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của quỹ là 2.394.104.000 VND. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 239.410.400 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị của trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 239.410.400 VND.

a.3. Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

b. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại ngân hàng và tổ chức tín dụng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

VI. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được xây dựng phù hợp với phương pháp định giá tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

1. Tiền

Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước Ngày Định Giá.

2. Ngoại tệ

Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.

3. Tiền gửi kỳ hạn

Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá

4. Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác

Giá trị mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

5. Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác

Giá thị trường là giá yết trên hệ thống Sở giao dịch chứng khoán; hoặc trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

B. Trái phiếu

6. Trái phiếu niêm yết

- Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế với điều kiện giá sạch của trái phiếu không có biến động lớn so với giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) của Trái phiếu đó;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá sạch trái phiếu có biến động lớn, giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá sau:
 - Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

7. Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên và trái phiếu hủy niêm yết

- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn thì giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế.
- Các trường hợp còn lại, giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên như bên dưới:
 - Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

8. Trái phiếu không niêm yết

- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

C. Cổ phiếu

9. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

10. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

11. Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch

Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

12. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Là một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

13. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch

- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

14. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc huỷ niêm yết, hoặc huỷ đăng ký giao dịch

Là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

15. Cổ phần, phần vốn góp khác

- Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong những mức giá sau:
 - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

16. Quyền mua cổ phiếu

- Giá của quyền được tính theo công thức sau:

Giá Quyền = (giá thị trường (*)) của cổ phiếu – giá thực hiện quyền) * tỷ lệ chuyển đổi từ quyền thành cổ phiếu

D. Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng

17. Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng có niêm yết

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước Ngày Định Giá.
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước Ngày Định Giá;
 - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

18. Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng chưa niêm yết

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước Ngày Định Giá;
- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

E. Các tài sản khác

19. Các tài sản được phép đầu tư khác

- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

Trong đó:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Lãi dự thu của tiền gửi không kỳ hạn được tính bằng công thức:

$$\text{Lãi tiền gửi dự thu} = \text{Tiền gốc} \times \text{Lãi suất} \times n/365$$

Trong đó n: số ngày thực tế tính từ ngày gửi tiền tới ngày trước Ngày Định Giá

- Lãi lũy kế của Trái phiếu chưa niêm yết được tính theo công thức sau:

$$\text{Lãi lũy kế} = \text{Lợi suất cuống phiếu} \times \text{Mệnh giá} \times n/\text{số ngày thực tế trong năm}$$

Trong đó n: số ngày thực tế từ ngày trả lãi cuống phiếu gần nhất tính tới ngày trước Ngày Định Giá

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền gửi ngân hàng & tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
1.1. Tiền gửi ngân hàng	4.167.771.968	-
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	3.900.440.967	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ	267.331.001	-
1.2. Tương đương tiền	-	-
Cộng	4.167.771.968	-

2. Các khoản đầu tư

Stt	Loại tài sản	Cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024				Giá trị đánh giá lại
		Giá Mua	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch đánh giá kỳ này		
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2 - 1)	4 = (1 - 2)	5 = 1 + 3 - 4
1	Cổ phiếu	49.176.651.872	52.504.704.100	4.361.332.228	1.033.280.000	52.504.704.100
2	Trái phiếu	2.394.095.384	2.394.104.000	8.616	-	2.394.104.000
	Cộng	51.570.747.256	54.898.808.100	4.361.340.844	1.033.280.000	54.898.808.100

3. Các khoản phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	1.376.500.000	-
- Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	56.500.000	-
- Dự thu lãi trái phiếu	37.632.877	-
Cộng	1.470.632.877	-

4. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	Cuối năm	Đầu năm
	-	-
Cộng	-	-

5. Phải trả các Đại lý phân phối, Công ty Quản lý quỹ về phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả Công ty Quản lý quỹ	76.792.928	-
Cộng	76.792.928	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

B 06g - QM

Đơn vị tính: VND

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế TNCN của Nhà đầu tư

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
2.186.426	-
2.186.426	-

7. Chi phí phải trả

- Phí kiểm toán
- Phí thù lao Ban đại diện Quỹ (bao gồm thuế TNCN)
- Chi phí môi giới

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
13.500.000	-
49.451.613	-
1.376.500	-
64.328.113	-

8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ

- Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
17.100.000	-
17.100.000	-

9. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở

- Phải trả phí quản lý Quỹ mở
- Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ mở
- Phải trả phí dịch vụ giám sát
- Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ mở
- Phải trả Ngân hàng Lưu ký - Phí tính trên giao dịch
- Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng khác

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
75.145.648	-
15.000.000	-
5.500.000	-
16.500.000	-
412.950	-
11.000.000	-
123.558.598	-

10. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Phát sinh	Cuối năm
Vốn góp phát hành			
- Số lượng	-	7.798.483,52	7.798.483,52
- Giá trị ghi theo mệnh giá	-	77.984.835.253	77.984.835.253
- Thặng dư vốn	-	2.596.997.492	2.596.997.492
Tổng giá trị phát hành CCQ	-	80.581.832.745	80.581.832.745
Vốn góp mua lại			
- Số lượng	-	(2.341.431,13)	(2.341.431,13)
- Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(23.414.311.300)	(23.414.311.300)
- Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư	-	(2.362.143.456)	(2.362.143.456)
Tổng giá trị mua lại CCQ	-	(25.776.454.756)	(25.776.454.756)
Lợi nhuận để lại	-	5.446.758.904	5.446.758.904
Số lượng CCQ hiện hành	-	5.457.052,39	5.457.052,39
NAV hiện hành	-	60.252.136.893	60.252.136.893
NAV hiện hành/ 1 CCQ	-	11.041,15	11.041,15

B THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP

1. Thu nhập

1. Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư

Khoản mục	Giá ghi sổ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay
- Cổ phiếu	38.711.345.000	35.852.885.128	2.858.459.873
- Trái phiếu	-	-	-
Cộng	38.711.345.000	35.852.885.128	2.858.459.873

2. Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá ghi sổ	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này
-	Cổ phiếu	49.176.651.872	52.504.704.100	3.328.052.228
-	Trái phiếu	2.394.095.384	2.394.104.000	8.616
	Cộng	51.570.747.256	54.898.808.100	3.328.060.844

2. Doanh thu hoạt động đầu tư

Stt	Loại doanh thu hoạt động đầu tư	Năm nay	Năm trước
1	. Doanh thu dự thu cổ tức, trái tức phát sinh trong năm	329.033.980	-
	- Doanh thu dự thu cổ tức phát sinh trong năm	219.760.000	-
	- Doanh thu dự thu tiền lãi trái phiếu phát sinh trong năm	109.273.980	-
2	. Doanh thu tiền lãi được nhận	21.840.156	-
	Cộng	350.874.136	-

3. Chi phí giao dịch mua bán các khoản đầu tư

STT	Loại phí giao dịch mua bán các khoản đầu tư	Năm nay	Năm trước
1	. Chi phí môi giới, giao dịch, phí chuyển tiền bán các khoản đầu tư	114.670.291	-
	- Cổ phiếu	114.306.732	-
	- Trái phiếu	363.559	-
2	. Chi phí tư vấn pháp luật	-	-
	Cộng	114.670.291	-

4. Chi phí hoạt động Quỹ mở

STT	Loại phí giao dịch mua các khoản đầu tư	Năm nay	Năm trước
1	Phí quản lý Quỹ mở	479.555.256	-
2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	145.832.768	-
3	Phí dịch vụ giám sát	38.854.839	-
4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	116.564.516	-
5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	70.766.666	-
6	Các chi phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ Quỹ	-	-
6	Chi phí thù lao Ban Đại diện	49.451.613	-
7	Chi phí kiểm toán	27.000.000	-
8	Chi phí quản lý thường niên UB CKNN	7.500.000	-
9	Chi phí thiết lập quỹ	40.000.000	-
10	Phí ngân hàng, khác	440.000	-
	Cộng	975.965.658	-

C . Thuyết minh về giá trị tài sản ròng

1 . Về xác định giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 30/05/2024 đến ngày 31/12/2024

Kỳ	Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/Giảm NAV/1CCQ
A	B	1	2	C = 1 / 2	D = (C1- C2/C2 - C3/...)
1	31/05/2024	51.184.694.478	5.118.404,29	10.000,12	0,12
2	03/06/2024	51.228.727.665	5.118.404,29	10.008,73	8,61
3	10/06/2024	51.512.211.049	5.118.404,29	10.064,11	55,38
4	17/06/2024	51.211.757.368	5.118.404,29	10.005,41	(58,70)
5	24/06/2024	50.741.672.967	5.136.402,80	9.878,83	(126,58)
6	30/06/2024	50.456.416.944	5.143.047,74	9.810,60	(68,23)
7	01/07/2024	50.602.341.882	5.143.047,74	9.838,97	28,37
8	08/07/2024	51.024.219.637	5.142.709,75	9.921,66	82,69
9	15/07/2024	51.577.713.097	5.142.080,50	10.030,51	108,85
10	22/07/2024	52.201.265.682	5.145.449,71	10.145,13	114,62
11	29/07/2024	51.816.371.079	5.148.401,91	10.064,55	(80,58)
12	31/07/2024	52.178.914.767	5.149.220,25	10.133,36	68,81
13	05/08/2024	49.687.654.739	5.149.220,25	9.649,54	(483,82)
14	12/08/2024	51.393.965.466	5.148.041,24	9.983,20	333,66
15	15/08/2024	52.129.760.226	5.149.933,83	10.122,41	139,21
16	19/08/2024	53.293.619.520	5.151.154,99	10.345,95	223,54
17	22/08/2024	53.926.001.082	5.151.728,22	10.467,55	121,60
18	26/08/2024	53.527.519.898	5.149.640,67	10.394,41	(73,14)
19	29/08/2024	53.521.223.354	5.148.671,76	10.395,15	0,74
20	31/08/2024	53.924.292.231	5.164.630,45	10.441,07	45,92
21	02/09/2024	53.917.237.456	5.164.630,45	10.439,70	(1,37)
22	05/09/2024	53.406.540.255	5.164.630,45	10.340,82	(98,88)
23	09/09/2024	53.542.870.046	5.164.220,37	10.368,04	27,22
24	12/09/2024	53.524.641.360	5.164.832,52	10.363,28	(4,76)
25	16/09/2024	53.504.298.259	5.164.057,00	10.360,90	(2,38)
26	19/09/2024	54.521.934.389	5.166.333,60	10.553,31	192,41
27	23/09/2024	54.319.452.040	5.161.403,65	10.524,16	(29,15)
28	26/09/2024	55.304.775.918	5.167.664,04	10.702,08	177,92
29	30/09/2024	55.338.625.487	5.183.268,64	10.676,39	(25,69)
30	03/10/2024	54.895.244.007	5.184.501,64	10.588,33	(88,06)
31	07/10/2024	54.504.793.047	5.187.565,15	10.506,81	(81,52)
32	10/10/2024	55.162.913.223	5.188.399,56	10.631,97	125,16
33	14/10/2024	55.860.795.758	5.192.069,39	10.758,86	126,89
34	17/10/2024	55.657.252.956	5.199.581,37	10.704,17	(54,69)
35	21/10/2024	55.110.957.000	5.206.638,03	10.584,74	(119,43)
36	24/10/2024	54.754.248.690	5.210.542,27	10.508,35	(76,39)
37	28/10/2024	55.213.646.809	5.221.276,54	10.574,74	66,39
38	31/10/2024	55.653.709.915	5.229.870,67	10.641,50	66,76
39	04/11/2024	54.977.176.029	5.225.623,27	10.520,69	(120,81)
40	07/11/2024	55.962.231.134	5.230.887,35	10.698,42	177,73
41	11/11/2024	55.663.206.671	5.234.050,07	10.634,82	(63,60)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse

B 06g - QM

42	14/11/2024	55.325.972.809	5.279.167,68	10.480,05	(154,77)
43	18/11/2024	54.991.915.088	5.320.679,07	10.335,50	(144,55)
44	21/11/2024	55.333.606.525	5.329.273,67	10.382,95	47,45
45	25/11/2024	55.978.223.827	5.331.961,88	10.498,61	115,66
46	28/11/2024	56.826.892.253	5.329.363,09	10.662,98	164,37
47	30/11/2024	57.550.367.403	5.332.770,40	10.791,83	128,85
48	02/12/2024	57.805.482.271	5.332.770,40	10.839,67	47,84
49	05/12/2024	58.851.648.280	5.337.154,66	11.026,78	187,11
50	09/12/2024	59.315.789.365	5.337.732,56	11.112,54	85,76
51	12/12/2024	59.039.948.951	5.354.284,17	11.026,67	(85,87)
52	16/12/2024	58.532.072.110	5.323.122,88	10.995,81	(30,86)
53	19/12/2024	58.409.015.150	5.338.325,83	10.941,44	(54,37)
54	23/12/2024	59.215.127.019	5.345.172,12	11.078,24	136,80
55	26/12/2024	59.997.203.352	5.408.611,93	11.092,90	14,66
56	30/12/2024	60.041.338.725	5.434.504,47	11.048,17	(44,73)
57	31/12/2024	60.252.136.914	5.457.052,39	11.041,15	(7,02)

Giá trị tài sản ròng bình quân năm trong kỳ

54.656.204.099

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - Mức cao nhất

333,66

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - Mức thấp nhất

(483,82)

D. Thuyết minh về các Tài khoản ngoài bảng

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản nhận thế chấp	-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
3. Ngoại tệ các loại	-	-
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.457.052,39	-

E. Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Đây là báo cáo kiểm toán năm đầu tiên do đó Quỹ không trình bày số liệu so sánh.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra ảnh hưởng hoạt động liên tục của Quỹ kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

3. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

4. Bên liên quan

4.1. Nghiệp vụ các bên liên quan và các hợp đồng then chốt

a. Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Phí quản lý quỹ mở	479.555.256	-

Số dư tại thời điểm cuối năm

	Năm nay	Năm trước
- Phí quản lý quỹ mở	75.145.648	-

b. Thù lao của Ban đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao Ban đại diện Quỹ	49.451.613	-

Số dư tại thời điểm cuối năm

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao Ban đại diện Quỹ	49.451.613	-

c. Số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Số lượng CCQ nắm giữ tại ngày 31/12/2024	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Ban đại diện Quỹ	1.905.300	34,91%
Khác	6.000	0,11%
Cộng	1.911.300	35,02%

4.2. Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí dịch vụ giám sát là 0,02% trên tổng tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá (tối thiểu 5.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và giá dịch vụ lưu ký là 0,05% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá (tối thiểu là 15.000.000 đồng cho một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng trên mỗi giao dịch, giá dịch vụ xác nhận số dư chứng khoán cho mục đích kiểm toán là 110.000 đồng trên một báo cáo xác nhận.

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí dịch vụ lưu ký	145.832.768	-
Phí dịch vụ giám sát	38.854.839	-
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	116.564.516	-
Chi phí quản lý thường niên UB CKNN	7.500.000	-
Chi phí thiết lập quỹ	40.000.000	-

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán	3.900.440.967	-
Tiền gửi nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	267.331.001	-
Phải trả phí quản lý Quỹ mở	75.145.648	-
Phải trả phí lưu ký tính trên NAV	15.000.000	-
Phải trả phí giám sát	5.500.000	-
Phải trả phí quản trị Quỹ mở	16.500.000	-

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

F. Một số các Chỉ tiêu tài chính Quỹ mở

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tỷ lệ chi phí hoạt động (Expense Ratio)	3,37%	-
- Tốc độ vòng quay danh mục (Turnover Ratio)	194,99%	-

1. Tỷ lệ chi phí là Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính bán niên hoặc Báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán) để có khả năng so sánh giữa các kỳ và các Quỹ mở.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Khi một Quỹ mở mới thành lập có thời gian ít hơn 1 năm thì Tỷ lệ chi phí cũng phải được tính theo một năm bởi các yếu tố phù hợp.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động từ ngày được cấp phép}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chi tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

2. Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán)

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 01 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) * 100\% * 365}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ báo cáo} * \text{Thời gian quỹ đã hoạt động}}$$

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên hoặc báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán) để có khả năng so sánh giữa các kỳ và các Quỹ mở.

Tp.Hồ Chí Minh, 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hòa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang